

Bản án số: 85/2025/DS-ST

Ngày: 24/9/2025

V/v: “Tranh chấp yêu cầu chia thừa
kế”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Ngọc Tấn.
2. Ông Dương Thanh Huỳnh.

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Như Ý – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 13 – Cần Thơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13 – Cần Thơ tham gia phiên toà: Bà Trương Thị Bảo Trân- Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 9 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 13 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 16/2025/TLST- DS ngày 26 tháng 02 năm 2025 về việc “Tranh chấp yêu cầu chia thừa kế”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 144/2025/QĐXX-ST ngày 28 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông **Võ Văn T**, sinh năm 1987; (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang cũ nay là Ấp B, phường Đ, thành phố Cần Thơ.

2. Ông **Võ Hoàng C**, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang cũ nay là Ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ.

3. Bà **Võ Thị L**, sinh năm 1975; (Tên gọi khác: Võ Bạch L)

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang cũ nay là Ấp B, phường Đ, thành phố Cần Thơ.

4. Bà **Võ Thị T2**, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang cũ nay là Ấp B, phường Đ, thành phố Cần Thơ.

5. Ông **Võ Văn Út A2**, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang cũ nay là Ấp B, phường Đ, thành phố Cần Thơ.

6. Bà **Lê Thị N**, sinh năm: 1945;

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang cũ nay là Ấp B, phường Đ, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện ủy quyền cho những nguyên đơn ông Võ Hoàng C, bà Võ Thị L, bà Võ Thị T2, ông Võ Văn Út A2, bà Lê Thị N là ông Võ Văn T, sinh năm 1987

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang cũ nay là Ấp B, phường Đ, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn:

Ông **Võ Văn H**, sinh năm 1984; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang cũ nay là Ấp B, phường Đ, thành phố Cần Thơ.

-Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Võ Văn T3**, sinh năm 1967 Chết ngày 19/10/2015, có tất cả 03 người con gồm:

1.1 Ông **Võ Văn D2**, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang cũ nay là Ấp B, phường Đ, thành phố Cần Thơ.

1.2 Bà **Võ Thị Cẩm G2**, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang cũ nay là Ấp B, phường Đ, thành phố Cần Thơ.

1.3 Bà **Võ Kim S2**, sinh năm: 1985;

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng cũ nay là Ấp Đ, xã Đ, thành phố Cần Thơ.

2. Bà **Trần Thị Đ55**, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang cũ nay là Ấp B, phường Đ, thành phố Cần Thơ.

3. Ông **Dương Văn T33**, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang cũ nay là Ấp B, phường Đ, thành phố Cần Thơ.

4. **Dương Thành T34**, sinh ngày 25/11/2008 người giám hộ cha là ông Dương Văn T33 và mẹ bà Võ Thị T2 giám hộ cho Dương Thành T34.

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang cũ nay là Ấp B, phường Đ, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo ủy quyền của ông Võ Văn D2, bà Võ Thị Cẩm G2, bà Võ Kim Sang, bà Trần Thị Đ55, Dương Thành T34, sinh ngày 25/11/2008 người giám hộ cha là ông Dương Văn T33 và mẹ bà Võ Thị T2 giám hộ cho Dương Thành T34, ông Dương Văn T33 là ông Võ Văn T, sinh năm 1984

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang cũ nay là Ấp B, phường Đ, thành phố Cần Thơ.

5. Ông **Mai Văn N11**, sinh năm 1975; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang cũ nay là Ấp B, phường Đ, thành phố Cần Thơ.

6. Bà **Mai Thị Kiều T223**, sinh năm 1994; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang cũ nay là Ấp B, phường Đ, thành phố Cần Thơ.

7. Bà **Mai Thị Huỳnh B66**, sinh năm 2000; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang cũ nay là Ấp B, phường Đ, thành phố Cần Thơ.

8. Bà **Lê Thị Thu T333**, sinh năm 1986; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang cũ nay là Ấp B, phường Đ, thành phố Cần Thơ.

9. Ông **Võ Văn K33**, sinh năm 2006; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang cũ nay là Ấp B, phường Đ, thành phố Cần Thơ.

10. Ông **Dương Hoàng H22**, sinh năm 2006;(Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang cũ nay là Ấp B, phường Đ, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Võ Văn Đồng thời là người đại diện ủy quyền cho những nguyên đơn ông Võ Hoàng C, bà Võ Thị L, bà Võ Thị T2, ông Võ Văn Út A2, bà Lê Thị N và là đại diện người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn D2, bà Võ Thị Cẩm G2, bà Võ Kim S, ông Dương Văn T33, bà Trần Thị Đ55, Dương Thành T34, sinh ngày 25/11/2008 người giám hộ cha là ông Dương Văn T33 và mẹ bà Võ Thị T2 giám hộ cho Dương Thành T34 trình bày:

Ông Võ Văn H232 là chồng của bà Lê Thị N, cả hai chung sống với nhau có 07 người con ruột gồm:

1/ Ông Võ Văn T3; sinh năm: 1967 (chết năm 2015) có tất cả 03 người con gồm: Ông Võ Văn D2, sinh năm 1987; Bà Võ Thị Cẩm G2, sinh năm 1989; Bà Võ Kim S2, sinh năm: 1985;

2/ Bà Võ Thị L (Võ Bạch L); sinh năm: 1975

3/ Bà Võ Thị T2; sinh năm: 1977

4/ Ông Võ Văn Út A2; sinh năm: 1984

5/ Ông Võ Văn T; sinh năm: 1987

6/ Ông Võ Hoàng C; sinh năm: 1973

7/ Ông Võ Văn H; sinh năm: 1984

Ngoài ra, cả hai không có con riêng hay con nuôi nào khác, ông Võ Văn H232 (chết năm 2018) để lại phần di sản thừa kế là căn nhà gắn liền đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN-0106 cấp vào ngày 10/12/2001 do Ủy ban nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Cần Thơ cấp cho hộ ông Võ Văn H232 tổng diện tích là 19.837m² thuộc tờ bản đồ số 8, bao gồm các thửa:

- Thửa số 71, diện tích 11.035m², mục đích sử dụng 2L
- Thửa số 298, diện tích 421m², mục đích sử dụng T
- Thửa số 311, diện tích 4238m², mục đích sử dụng Vườn
- Thửa số 312, diện tích 4143m², mục đích sử dụng 2L

Phần tài sản trên là vợ chồng ông H232 bà Nên mua, các thành viên trong hộ tại thời điểm cấp giấy không có công sức đóng góp, khi ông H232 còn sống thì ông H232 và bà Nên đã có phân chia đất theo hiện trạng thửa đất tuy nhiên chưa tách giấy chứng nhận. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nguyên đơn Võ Văn T đang giữ không có cầm cố thế chấp, lúc ông H232 còn sống không có vay mượn tiền của người khác.

Khi chết ông H232 không để lại di chúc cho bất cứ thành viên nào, sau khi ông H232 chết gia đình có hợp mặt yêu cầu chia phần di sản trên theo thoả thuận gia đình nhưng ông Võ Văn H không đồng ý.

Hiện tại trên phần đất trên có 05 căn nhà cấp 4 gồm: Nhà của ông Võ Văn T3 (hiện tại bà Trần Thị Đ55 là vợ ông T3 và các con của ông T3 đang sinh sống); Nhà của bà Võ Thị T2, nhà của ông Võ Văn Út A2, nhà của vợ chồng bà Lê Thị N ông Võ Văn H232, nhà của bà Võ Thị L.Ý kiến của ông Võ Văn D2, sinh năm 1987; bà Võ Thị Cẩm G2, sinh năm 1989; bà Võ Kim S2, sinh năm: 1985 là con của ông Võ Văn T3 không yêu cầu khởi kiện chia thừa kế nếu được Toà chia xin nhận kỷ phần, phần đất có xây cất căn nhà và phần đất ruộng gia đình đang quản lý canh tác, đối với phần trên lệch giá trị kỷ phần thì yêu cầu được nhận giá trị.

Nay các đồng nguyên đơn yêu cầu:

1/ Được nhận một suất di sản thừa kế theo pháp luật các nguyên đơn yêu cầu được nhận đất diện tích khoản 1.414m², diện tích cụ thể sẽ theo đo đạc thực tế. Đối với phần trên lệch giá trị kỷ phần thì các nguyên đơn yêu cầu được nhận giá trị.

2/ Nguyên đơn bà Lê Thị N yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật, nguyên đơn yêu cầu được nhận nhà và đất diện tích khoản 9.918,5m², diện tích cụ thể sẽ theo đo đạc thực tế. Đối với phần trên lệch giá trị kỷ phần thì các nguyên đơn yêu cầu được nhận giá trị.

Đối với phần đất tại 02 ngôi mộ tại vị trí (P) có diện tích 46,7m² các nguyên đơn thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Thuyền đồng ý với Mạnh trích đo địa chính và Chứng thư thẩm định giá.

Bị đơn ông Võ Văn H trình bày:

Ông Võ Văn H232 là cha của bị đơn sau khi ông H232 chết vào năm 2018 có để lại phần di sản là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN-0106 cấp vào ngày 10/12/2001 do Ủy ban nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Cần Thơ

cấp cho hộ ông Võ Văn H232 tổng diện tích là 19.837m² thuộc tờ bản đồ số 8, bao gồm các thửa:

- Thửa số 71, diện tích 11.035m², mục đích sử dụng 2L
- Thửa số 298, diện tích 421m², mục đích sử dụng T
- Thửa số 311, diện tích 4238m², mục đích sử dụng Vườn
- Thửa số 312, diện tích 4143m², mục đích sử dụng 2L

Lúc sinh thời ông H232 và bà Nên là vợ chồng có với nhau 07 người con

1/ Ông Võ Văn T3; sinh năm: 1967(chết năm 2015)có tất cả 03 người con gồm:
Ông Võ Văn D2, sinh năm 1987; Bà Võ Thị Cẩm G2, sinh năm 1989; Bà Võ Kim S2, sinh năm: 1985;

2/ Bà Võ Thị L (Võ Bạch L); sinh năm: 1975

3/ Bà Võ Thị T2; sinh năm: 1977

4/ Ông Võ Văn Út A2; sinh năm: 1984

5/ Ông Võ Văn T; sinh năm: 1987

6/ Ông Võ Hoàng C; sinh năm: 1973

7/ Ông Võ Văn H; sinh năm: 1984

Ngoài ra, cả hai không có con riêng hay con nuôi nào khác. Sau khi ông H232 chết không có để lại di chúc cho bất kỳ thành viên nào. Hiện trên phần đất tranh chấp có 05 căn nhà cấp 4 là nhà của ông Võ Văn T3 (hiện ông T3 đã chết căn nhà trên do vợ ông là bà Trần Thị Đ55 cùng các con của ông T3 sinh sống); nhà của bà Võ Thị L, nhà của ông Võ Văn Út A2, nhà của ông H232 bà Nên và bà Võ Thị T2.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn không đồng ý chia thừa kế và cũng không có khởi kiện yêu cầu chia thừa kế. Bị đơn đồng ý với Mạnh trích đo địa chính và Chứng thư thẩm định giá.

Về trình tự thủ tục: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo trình tự thủ tục quy định. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn chia thừa kế theo quy định pháp luật đối với nhà và quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số số BN-0106

cấp vào ngày 10/12/2001 do Ủy ban nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Cần Thơ cấp cho hộ ông Võ Văn H232 tổng diện tích là 19.837m² theo đo đạc thực tế là 20.311,4 m² thuộc tờ bản đồ số 8, bao gồm các thửa:

- Thửa số 71, diện tích 11.035m², mục đích sử dụng 2L
- Thửa số 298, diện tích 421m², mục đích sử dụng T
- Thửa số 311, diện tích 4238m², mục đích sử dụng Vườn
- Thửa số 312, diện tích 4143m², mục đích sử dụng 2L

Về chi phí tố tụng: Các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Theo nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện tranh chấp giữa các bên đương sự là “Tranh chấp yêu cầu chia thừa kế”. Nơi cư trú của bị đơn và bất động sản tranh chấp tọa lạc tại ấp B, xã Đ, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang cũ nay ấp B, phường Đ, thành phố Cần Thơ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13, thành phố Cần Thơ quy định tại khoản 2, khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Thu T333, ông Võ Văn K33, ông Dương Hoàng H22, bà Mai Thị Huỳnh B66, bà Mai Thị Kiều Trinh và ông Mai Văn N11 có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn thực hiện việc xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về nội dung vụ án:

[3.1]. Xét thời điểm mở thừa kế và thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế.

Các nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất ông Võ Văn H232 chết năm 2018 đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án các nguyên đơn cũng đã cung cấp được giấy chứng tử của ông Võ Văn H232 chứng minh việc ông H232 chết năm 2018. Do vậy thời điểm mở thừa kế được xác định vào năm 2018. Đến năm 2025 các

nguyên đơn có đơn khởi kiện tại Toà án do vậy xác định việc khởi kiện của các nguyên đơn còn trong thời hiệu 30 năm theo Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015. Đây là một trong những chứng cứ theo quy định tại Điều 93 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với phần di sản của ông Võ Văn T3, do ông Võ Văn T3 chết vào năm 2015, thời điểm ông Võ Văn H232 chết vào năm 2018 nên các con của ông T3 sẽ được hưởng suất di sản mà ông T3 được hưởng theo điều 652 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3.2]. Về di sản thừa kế:

Xét thấy các nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất căn nhà và đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN-0106 gồm các thửa 71, diện tích: 11.035m², mục đích sử dụng là: 2L; thửa 298, diện tích: 421, mục đích sử dụng: T; thửa số 311, diện tích 4238m², mục đích sử dụng: Vườn; Thửa số: 312, diện tích: 4143m², mục đích sử dụng 2L, thuộc tờ bản đồ số 8, tổng diện tích 19.837m² theo đo đạc thực tế là 20.311,4m² do Ủy ban nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Cần Thơ cấp ngày 10/12/2001 cho hộ ông Võ Văn H232 để lại. Do ông H232 chết không để lại di chúc nên di sản thừa kế của ông được chia theo quy định pháp luật.

Đối với phần đất tại 02 ngôi mộ tại vị trí (P) có diện tích 46,7m² các nguyên đơn thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo hồ sơ có trong vụ án cho thấy ông Võ Văn H232 và bà Lê Thị N là vợ chồng. Lúc sinh thời cả hai chung sống với nhau có 07 người con là Võ Văn T3, Võ Thị L, Võ Thị T2, Võ Văn Út A2, Võ Văn T, Võ Hoàng C và Võ Văn H. Do đó phần tài sản trên là tài sản chung của vợ chồng nên phần di sản sẽ được chia 02, phần còn lại sẽ chia đều thành 08 phần thuộc hàng thừa kế theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 650, Điều 651 Bộ luật dân sự. Căn cứ vào Mạnh trích đo địa chính số 118, 119 ngày 04/6/2025 của Công ty Cổ phần đo đạc bản đồ và thiết kế xây dựng CHK Việt Nam và Chứng thư thẩm định giá số 480/2025/295/CT-TW ngày 26/8/2025 của Công ty cổ phần tư vấn và thẩm định giá Tam Wing giá trị căn nhà chính của ông H232 bà Nền 211.269.049 đồng+ nhà cũi 3.117.120 đồng = 214.386.169 đồng; giá trị đất 4.650.515.600 đồng; tổng giá trị di sản là 4.864.901.769 đồng. Như vậy, kỹ phần bà Lê Thị N nhận được là 4.864.901.769 đồng/2 = 2.432.450.885 đồng đây là kỹ phần bà Nền nhận được do là tài sản chung

của vợ chồng. Mỗi kỷ phần còn lại được chia như sau $2.432.450.885 \text{ đồng} / 8 = 304.056.361 \text{ đồng}$. Giá trị kỷ phần của bà Nền nhận được là $2.736.507.245 \text{ đồng}$. Các đồng thừa kế còn lại mỗi người nhận được giá trị kỷ phần là $304.056.361 \text{ đồng}$.

[3.3]. Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết bà Nền yêu cầu được nhận phần nhà và đất tại vị trí số (4) diện tích 1462m^2 , số (5) $32,5\text{m}^2$ và số (6) $89,5\text{m}^2$ (Trong (4), (5) và (6) có $341,6\text{m}^2$ loại đất đất T và $1462,7\text{m}^2$ loại đất vườn) theo Mảnh trích đo địa chính. Xét thấy, bà Nền hiện đang sinh sống và đang quản lý, sử dụng phần đất tại vị trí trên, đồng thời bà Nền cũng có xây dựng nhà kiên cố khung cột, bê tông cốt thép, vách tường do đó yêu cầu của bà Nền là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ vào Mảnh trích đo địa chính tổng diện tích là $1584,7\text{m}^2$ hiện tại Phần nhà và đất bà Lê Thị Nduoc nhận tại vị trí (4) diện tích $1462,7\text{m}^2$. Trên đất có (m) $124,9\text{m}^2$ nhà chính; (n) $70,8\text{m}^2$ nhà phụ; (o) $27,2\text{m}^2$ mái che; (5) $32,5\text{m}^2$ và số (6) $89,5\text{m}^2$ (Trong (4) Diện tích $1462,7\text{m}^2$ có (k) diện tích $341,6\text{m}^2$ thuộc thửa 298, loại đất T; (u) diện tích $1121,1\text{m}^2$ thuộc thửa 311, loại đất vườn) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN-0106. Giá trị tương đương $1462,7\text{m}^2 \times 376.000 \text{ đồng} = 549.975.200 \text{ đồng}$; $341,6\text{m}^2 \times 611.000 \text{ đồng} = 208.717.600 \text{ đồng}$; căn nhà tại vị trí (4) diện tích $222,9\text{m}^2$ giá trị $214.386.169 \text{ đồng}$. Tổng số tiền là $973.078.969 \text{ đồng}$. Bà Nền nhận phần đất và nhà có giá trị thiếu $2.736.506.245 \text{ đồng} - 973.078.969 \text{ đồng} = 1.763.427.276 \text{ đồng}$ so với kỷ phần được nhận.

[3.4]. Căn cứ vào Mảnh trích đo địa chính hiện tại bà Trần Thị Đ55 là vợ của ông Võ Văn T3 và những người thừa kế thế vị của ông T3 là ông Võ Văn D2, bà Võ Thị Cẩm G2 và bà Võ Kim S2 đang quản lý, sử dụng phần đất và xin nhận phần đất tại vị trí (1) và số (11) theo đo đạc thực tế là $3322,2\text{m}^2$ (Trong đó có $675,2\text{m}^2$ loại đất vườn; $2647,0\text{m}^2$ loại đất lúa) theo Mảnh trích đo địa chính. Xét thấy, bà Trần Thị Đ55 là vợ của ông Võ Văn T3 và những người thừa kế thế vị của ông T3 là ông Võ Văn D2, bà Võ Thị Cẩm G2 và bà Võ Kim S2 hiện đang sinh sống và đang quản lý phần đất tại vị trí trên, đồng thời cũng có xây dựng nhà kiên cố khung cột, bê tông cốt thép, vách tường do đó yêu cầu trên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận, trong quá trình tố tụng đại diện theo uỷ quyền của những

người nêu trên cũng thừa nhận Mảnh trích đo địa chính là đúng với hiện trạng. Vì vậy, tổng giá trị phần đất của ông Đạt, bà Giao và bà Sang nhận là: $675,2\text{m}^2 \times 376.000 \text{ đồng} = 253.875.200 \text{ đồng}$; $2647,0\text{m}^2 \times 122.000 \text{ đồng} = 322.934.000 \text{ đồng}$; Cộng $253.875.200 \text{ đồng} + 322.934.000 \text{ đồng} = 576.809.200 \text{ đồng}$. Tuy nhiên, phần giá trị diện tích đất trên so với kỹ phần được nhận là 304.056.361 đồng có phần chênh lệch do đó ông Võ Văn D2, bà Võ Thị Cẩm G2 và bà Võ Kim S2 phải trả lại giá trị cho các đồng thừa kế khác với số tiền là 272.752.839 đồng.

[3.5]. Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết bà Thu yêu cầu được nhận phần đất tại vị trí số (2) diện tích là 394.1m^2 loại đất vườn, theo Mảnh trích đo địa chính. Xét thấy, bà Thu hiện đang sinh sống và đang quản lý, sử dụng phần đất tại vị trí trên, đồng thời bà Thu cũng có xây dựng nhà kiên cố khung cột, bê tông cốt thép, vách tường do đó yêu cầu của bà Thu là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Vì vậy, phần đất bà Thu đang quản lý sử dụng có giá trị tổng giá trị là $394.1\text{m}^2 \times 376.000 \text{ đồng} = 148.181.600 \text{ đồng}$. Phần đất bà Thu nhận còn thiếu $304.056.361 - 148.181.600 \text{ đồng} = 155.874.761 \text{ đồng}$ so với kỹ phần được nhận.

[3.6]. Trong quá trình giải quyết ông Võ Văn Út A2 yêu cầu được nhận phần đất tại vị trí số (3) và số (12) có tổng diện tích $2.292,9\text{m}^2$ (Trong đó $560,6\text{m}^2$ loại đất vườn; $1.732,3\text{m}^2$ loại đất lúa) theo Mảnh trích đo địa chính. Xét thấy, ông Út Anh hiện đang sinh sống và đang quản lý phần đất tại vị trí trên, đồng thời cũng có xây dựng nhà kiên cố khung cột, bê tông cốt thép, vách tường do đó yêu cầu trên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ vào Mảnh trích đo địa chính hiện tại ông Võ Văn Út A2 đang quản lý, sử dụng phần đất theo đo đạc thực tế tổng diện tích là $2.292,9\text{m}^2$, trong quá trình tố tụng đại diện theo uỷ quyền của ông Út Anh cũng thừa nhận Mảnh trích đo địa chính là đúng với hiện trạng

Vì vậy, phần đất ông Út Anh đang quản lý sử dụng có tổng giá trị là: $560,6\text{m}^2 \times 376.000 \text{ đồng} = 210.785.600 \text{ đồng}$; $1.732,3\text{m}^2 \times 122.000 \text{ đồng} = 211.340.600 \text{ đồng}$; Cộng $210.785.600 \text{ đồng} + 211.340.600 \text{ đồng} = 422.126.200 \text{ đồng}$. Tuy nhiên, phần giá trị diện tích đất ông Út Anh nhận thừa $422.126.200 \text{ đồng} - 304.056.361 = 118.069.839 \text{ đồng}$ so với kỹ phần được nhận. Do đó ông Võ Văn Út A2 phải trả lại giá trị cho các đồng thừa kế khác với số tiền là 118.069.839 đồng.

[3.7]. Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng ông Võ Văn T yêu cầu được nhận phần đất tại vị trí số (9) và số (11) có tổng diện tích 1118.2m² loại đất lúa. Xét thấy, ông Thuyền hiện đang canh tác, quản lý phần đất trên. Qua các biên bản xác minh và thẩm định hiện trạng cho thấy trên hai phần đất trên hiện ông Thuyền đang quản lý, canh tác và có trồng nhiều loại cây trên đất, do đó yêu cầu trên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Trong quá trình tố tụng ông Thuyền cũng thừa nhận Mảnh trích đo địa chính là đúng với hiện trạng. Vì vậy, tổng giá trị phần đất của ông Thuyền nhận là: 1118.2m² x 122.000 đồng = 1.364.228.000 đồng. Tuy nhiên, phần giá trị diện tích đất nhận thừa là: 1.364.228.000 đồng - 304.056.361 đồng = 1.060.171.639 đồng so với kỷ phần được nhận, do đó ông Võ Văn T phải trả lại giá trị cho các đồng thừa kế khác với số tiền là 1.060.017.200 đồng.

[3.8]. Trong đơn khởi kiện ông Võ Văn Cường yêu cầu được nhận phần đất tại vị trí số (10) có diện tích 583,9m² loại đất lúa theo Mảnh trích đo địa chính. Qua quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử nhận thấy hiện ông Cường đang quản lý, canh tác phần đất tại vị trí (10) do đó yêu cầu của ông Võ Văn Cường có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Phần đất giá trị ông Cường được nhận là 583,9m² x 122.000 đồng = 219.546.400 đồng. Phần giá trị diện tích đất ông Cường nhận thiếu là 304.056.361 đồng - 219.546.400 đồng = 84.509.961 đồng so với kỷ phần được nhận.

[3.9]. Trong đơn khởi kiện bà Võ Thị L yêu cầu được nhận phần đất tại vị trí số (7) diện tích 367,3m² loại đất loại đất vườn theo Mảnh trích đo địa chính. Xét thấy, bà Lan hiện đang sinh sống tại vị trí đất trên, đồng thời cũng có xây dựng nhà kiên cố khung cột, bê tông cốt thép, vách tường do đó yêu cầu trên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ vào Mảnh trích đo địa chính số 119 ngày 04/6/2025 của Công ty Cổ phần đo đạc bản đồ và thiết kế xây dựng CHK Việt Nam. Phần đất có giá trị bà Lan được nhận là 367,3m² x 376.000 đồng = 138.104.800 đồng; Phần giá trị diện tích đất bà Lan nhận thiếu là 304.056.361 đồng - 138.104.800 đồng = 165.951.561 đồng.

[3.10]. Bị đơn Võ Văn H trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không đồng ý với yêu cầu chia thừa kế và cũng không yêu cầu khởi kiện chia thừa kế, nhưng khi đo đạc, thẩm định thực tế bị đơn có chứng kiến và chỉ phần đất bị đơn đang sử

dụng là vị trí số (8) diện tích 584,1m² loại đất vườn. Hội đồng xét xử xét thấy, bị đơn là con của ông Võ Văn H232 và bà Lê Thị N do đó bị cũng cũng được hưởng một suất thừa kế theo quy định pháp luật đồng thời hiện nay bị đơn cũng đang sử dụng phần đất tại vị trí số (8) theo Mảnh trích đo nên Hội đồng xét xử giao phần đất tại vị trí trên bị đơn tiếp tục quản lý sử dụng. Tổng giá trị phần đất trên của bị đơn Võ Văn H là 584,1m² x 376.000 đồng = 219.621.600 đồng. Phần giá trị diện tích đất ông Hải nhận thiếu là: 304.056.361 đồng - 219.621.600 đồng = 84.434.761 đồng so với kỷ phần được nhận.

[4]. Về đề nghị của Kiểm sát viên:

Ý kiến phân tích và đề nghị của Kiểm sát viên có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về chi phí tố tụng: Các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật

[7]. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 147; Điều 157; Điều 158; Điều 165; Điều 166; khoản 1 Điều 228 và khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Điều 623, Điều 649; Điều 650 và Điều 652 Bộ luật dân sự 2015.

Điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật.

2. Xác định nhà và đất tọa lạc tại ấp B, xã Đ, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang cũ nay ấp B, phường Đ, thành phố Cần Thơ, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN-0106 gồm các thửa 71, diện tích: 11.035m², mục đích sử dụng là: 2L; thửa 298, diện tích: 421m², mục đích sử dụng: T; thửa số 311, diện tích 4238m², mục đích sử dụng: Vườn; Thửa số: 312, diện tích:

4143m², mục đích sử dụng 2L, thuộc tờ bản đồ số 8, tổng diện tích 19.837m² theo đo đạc thực tế là 20.311,4 m² do Ủy ban nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Cần Thơ cấp ngày 10/12/2001 cho hộ ông Võ Văn H232 là di sản của ông Võ Văn H232 và bà Lê Thị N. Tổng giá trị quyền sử dụng đất và nhà của ông H232 bà N là: Nhà chính 211.269.049 đồng + nhà cũ 3.117.120 đồng = 214.386.169 đồng; giá trị đất 4.650.515.600 đồng; tổng giá trị di sản là 4.864.901.769 đồng. Như vậy, kỹ phần bà Lê Thị N nhận được là 4.864.901.769 đồng/2 = 2.432.450.885 đồng đây là kỹ phần bà N nhận được do là tài sản chung của vợ chồng. Mỗi kỹ phần còn lại được chia như sau 2.432.450.885 đồng/8 = 304.056.361 đồng. Giá trị kỹ phần của bà N nhận được là 2.736.507.245 đồng. Các đồng thừa kế còn lại mỗi người nhận được giá trị kỹ phần là 304.056.361 đồng.

3. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông ông Võ Văn H232 là 08 người gồm: Bà Lê Thị N, Võ Văn T3 (chết) có 03 người con: Võ Văn D2, Võ Thị Cẩm G2 và Võ Kim S2, Võ Thị L, Võ Thị T2, Võ Văn Út A2, Võ Văn T, Võ Hoàng C và Võ Văn H.

4. Chia di sản thừa kế của ông ông Võ Văn H232 cho các thừa kế như sau:

- Công nhận và buộc bị đơn ông Võ Văn H phải giao cho cho bà Lê Thị N phần đất tại vị trí số (4) diện tích 1462 m², số (5) 32,5m² và số (6) 89,5m² (Trong (4), (5) và (6) có 341,6m² loại đất T và 1462,7m² đất vườn) theo Mảnh trích đo địa chính số 119 ngày 04/6/2025 của Công ty Cổ phần đo đạc bản đồ và thiết kế xây dựng CHK Việt Nam.

- Công nhận và buộc bị đơn ông Võ Văn H phải giao cho các thừa kế thế vị của ông Võ Văn T3 là Ông Võ Văn D2, bà Võ Thị Cẩm G2, bà Võ Kim S2 phần đất tại vị trí (1) và vị trí (11) diện tích là 3322,2m² (Trong đó có 675,2m² đất vườn; 2647,0m² đất lúa) theo Mảnh trích đo địa chính số 118, 119 ngày 04/6/2025 của Công ty Cổ phần đo đạc bản đồ và thiết kế xây dựng CHK Việt Nam. Buộc ông Võ Văn D2, bà Võ Thị Cẩm G2 và bà Võ Kim S2 phải có trách nhiệm trả lại giá trị cho các đồng thừa kế khác với số tiền là 272.752.839 đồng (Hai trăm bảy mươi hai triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn tám trăm ba mươi chín đồng)

- Công nhận và buộc bị đơn ông Võ Văn H phải giao cho bà Võ Thị T2 phần diện tích 394,1m² loại đất vườn tại vị trí số (2) theo Mảnh trích đo địa chính số 119

ngày 04/6/2025 của Công ty Cổ phần đo đạc bản đồ và thiết kế xây dựng CHK Việt Nam.

- Công nhận và buộc bị đơn ông Võ Văn H phải giao cho ông Võ Văn Út A2 phần đất tại vị trí số (3) và số (12) diện tích 2292,9m²(Trong đó 560,6m² loại đất vườn; 1.732,3m² loại đất lúa) theo Mảnh trích đo địa chính số 118, 119 ngày 04/6/2025 của Công ty Cổ phần đo đạc bản đồ và thiết kế xây dựng CHK Việt Nam. Buộc ông Võ Văn Út A2 phải trả lại giá trị cho các đồng thừa kế khác với số tiền là 118.069.839 đồng (Một trăm mười tám triệu không trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm ba mươi chín đồng)

- Công nhận và buộc bị đơn ông Võ Văn H phải giao cho cho bà Võ Thị L phần đất tại vị trí số (7) diện tích 367,3m² loại đất vườn theo Mảnh trích đo địa chính số 119 ngày 04/6/2025 của Công ty Cổ phần đo đạc bản đồ và thiết kế xây dựng CHK Việt Nam.

- Công nhận và buộc bị đơn ông Võ Văn H phải giao cho ông Võ Văn T phần đất tại vị trí số (9) và (13) diện tích 1118,2m² loại đất lúa theo Mảnh trích đo địa chính số 118, 119 ngày 04/6/2025 của Công ty Cổ phần đo đạc bản đồ và thiết kế xây dựng CHK Việt Nam. Buộc ông Võ Văn T trả lại giá trị cho các đồng thừa kế là 1.945.946.239 đồng (Một tỷ chín trăm bốn mươi lăm triệu chín trăm bốn mươi sáu nghìn hai trăm ba mươi chín đồng).

- Công nhận và buộc bị đơn ông Võ Văn H phải giao cho ông Võ Hoàng C phần đất tại vị trí số (10) diện tích 583,9m² loại đất lúa, theo Mảnh trích đo địa chính số 119 ngày 04/6/2025 của Công ty Cổ phần đo đạc bản đồ và thiết kế xây dựng CHK Việt Nam.

- Công nhận và buộc nguyên đơn bà Lê Thị N phải giao cho ông Võ Văn H phần đất tại vị trí số (8) diện tích 584,1m² loại đất vườn, theo Mảnh trích đo địa chính số 119 ngày 04/6/2025 của Công ty Cổ phần đo đạc bản đồ và thiết kế xây dựng CHK Việt Nam.

Đình chỉ đối với yêu cầu của các nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết phần đất tại 02 ngôi mộ tại vị trí (P) có diện tích 46,7m² theo Mảnh trích đo địa chính.

Kích thước, hình thể, giáp giới các thửa đất nêu trên được xác định theo Mảnh trích đo địa chính 118, 119 ngày 04/6/2025 của Công ty Cổ phần đo đạc bản đồ và thiết kế xây dựng CHK Việt Nam(kèm theo sơ đồ đo).

5. Các đương sự có nghĩa vụ đến Cơ quan có thẩm quyền đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lê Thị N phải chịu theo quy định pháp luật. Tuy nhiên bà có đơn xin miễn án phí do là người cao tuổi do đó bà Nên được miễn.

- Các nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật nộp tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 13 – Cần Thơ.

- Bị đơn ông Võ Văn H phải chịu 15.203.000 đồng (Mười lăm triệu hai trăm lẻ ba nghìn đồng) nộp tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 13 – Cần Thơ.

7. Về chi phí tố tụng gồm: Chi phí đo đạc, thẩm định, lược đồ và chứng thư định giá tổng số tiền là 55.000.000 đồng.

Nguyên đơn bà Trần Thị Nên phải chịu tiền tạm ứng chi phí tố tụng là 30.937.500 đồng, các nguyên đơn mỗi người phải chịu tiền tạm ứng chi phí tố tụng là 3.437.000 đồng được khấu trừ vào số tiền 55.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí tố tụng đã nộp tại Tòa án. Các nguyên đơn đã thực hiện xong không phải nộp thêm.

Bị đơn Võ Văn H phải chịu tiền tạm ứng chi phí tố tụng là 3.437.000 đồng, buộc bị đơn phải nộp số tiền trên tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 13 – Cần Thơ giao trả cho các nguyên đơn.

8. Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp Bản án của Tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự - thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

*Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 13 – Cần Thơ;
- Phòng THADS Khu vực 13 – Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Nhung